



BỆNH VIỆN 199
Y ĐỨC HÀNG ĐẦU - NHIỆM MÀU CUỘC SỐNG

BỆNH VIỆN 199
KHOA: NỘI TIÊU HÓA

PHIẾU TÓM TẮT THÔNG TIN ĐIỀU TRỊ
BỆNH: BỆNH TRÀO NGƯỢC DẠ DÀY- THỰC QUẢN

1	TRIỆU CHỨNG (LÂM SÀNG)	CÓ	KHÔNG
	Ợ nóng (nóng rát sau xương ức)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Ợ chua, trớ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Đau thượng vị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Nuốt khó / nuốt đau	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Buồn nôn, nôn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Ho khan kéo dài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Khàn tiếng, viêm họng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Đau ngực không do tim	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Rối loạn giấc ngủ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	CẬN LÂM SÀNG	CÓ	KHÔNG
2.1	Các xét nghiệm cơ bản (CTM, sinh hóa, H. pylori khi cần)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2	Siêu âm bụng: Gan to nhẹ hoặc bình thường. Loại trừ bệnh gan mạn, tắc mật.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.3	Nội soi dạ dày-thực quản	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.4	Đo pH thực quản 24h	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	CHẨN ĐOÁN	CÓ	KHÔNG
	Chẩn đoán xác định: Bệnh trào ngược dạ dày- thực quản	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Phân loại (NERD/ EE theo LA)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

	Chẩn đoán phân biệt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Biến chứng (Barrett, hẹp, xuất huyết...)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ	CÓ	KHÔNG
	Thay đổi lối sống	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	PPI (Omeprazole, Esomeprazole...)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	H2RA (Famotidine)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Antacid / Alginate	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Điều trị duy trì	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Điều trị theo nhu cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Điều trị biến chứng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	TAI BIẾN, BIẾN CHỨNG	CÓ	KHÔNG
5.1	Biến chứng:		
	Xuất huyết tiêu hóa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Barrett thực quản	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Hẹp thực quản	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Ung thư thực quản	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2	Không đáp ứng điều trị		
	Không đáp ứng PPI	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Đáp ứng một phần	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.3	Hướng xử trí		
	Tăng liều PPI	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Phối hợp H2RA	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Cân nhắc Baclofen	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Nội soi lại	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Chuyển chuyên khoa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	HƯỚNG DẪN CHĂM SÓC, GIÁO DỤC SỨC KHOẺ	CÓ	KHÔNG
	Uống thuốc đúng giờ (PPI trước ăn 30–60 phút)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Không ăn quá no, không ăn tối muộn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Nâng cao đầu giường khi ngủ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Hạn chế rượu bia, cà phê, thuốc lá	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Giảm cân nếu thừa cân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

	Tái khám định kỳ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
--	------------------	--------------------------	--------------------------